

DANH SÁCH HỌC VIÊN LỚP TRUNG CẤP LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ

HỆ KHÔNG TẬP TRUNG K33B, KHÓA HỌC 2024 - 2026

Thi hết học phần A.I+II: Nội dung cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin

Ngày thi: 20/9/2024; Thời gian: 180 phút

Địa điểm thi: Phòng số 04

Sbd	Họ và tên	Năm sinh	Số tờ	Ký nộp bài	Số phách	Điểm số	Điểm chữ
01	Nguyễn Thị Ngọc Anh	17/11/1981	02		17	70	Đầy
02	H Nữ Bđáp	08/10/1989	03		32	65	Sau 2 năm
03	Nguyễn Thái Bình	01/02/1973	03		55	80	Tam
04	H Trinh Byă	04/02/1987	02		44	70	Đầy
05	Phùng Đức Cảnh	24/12/1983	02		9	70	Đầy
06	Trương Xuân Cảnh	09/12/1980	02		58	725	Đầy, hai năm
07	Chu Văn Chung	22/5/1984	03		77	70	Đầy
08	Đỗ Trần Diệu	10/10/1984	03		37	70	Đầy
09	Ninh Thị Duyên	08/11/1986	03		14	775	Đầy, hai năm
10	Lê Tuấn Đạt	20/7/1989	02		31	70	Đầy
11	Hoàng Hà	03/4/1983	03		62	70	Đầy
12	Lê Thị Thu Hà	26/3/1984	05		74	75	Đầy, năm
13	Nguyễn Thị Mỹ Hạnh	31/01/1987	03		69	725	Đầy, hai năm
14	Vũ Hồng Hạnh	10/01/1990	03		45	725	Đầy, hai năm
15	Nguyễn Ngọc Hiếu	02/02/1987	02		16	675	Sau, bảy năm
16	Y Kóp Hmők	30/3/1988	02		26	725	Đầy, hai năm
17	Huỳnh Thị Kim Hoa	02/8/1985	02		25	70	Đầy
18	Phan Xuân Hoà	20/4/1982	02		70	675	Sau, hai năm
19	Nguyễn Văn Hoà	10/4/1977	02		22	60	Sau

Sbd	Họ và tên	Năm sinh	Số tờ	Ký nộp bài	Số phách	Điểm số	Điểm chữ
20	Nông Thị Hoạch	26/12/1989	02		42	70	Kiểm
21	Trần Thị Bích	04/5/1989	03		4	75	Kiểm, năm
22	Phạm Thị Huệ	29/01/1988	02		12	72.5	Kiểm, hai năm
23	Huỳnh Văn Hùng	10/02/1990	02		21	65	Suất, năm
24	Phạm Hùng	04/02/1988	02		20	72.5	Kiểm, hai năm
25	Nguyễn Văn Hưng	14/9/1976	03		64	72.5	Kiểm, hai năm
26	Hoàng Thị Thu	22/11/1990	02		51	70	Kiểm
27	Bùi Thị Huyền	11/5/1985	03		5	72.5	Kiểm, hai năm
28	Y Thiên Buôn	03/7/1989	02		43	65	Suất, năm
29	Y Nô Ly	22/5/1990	02		28	75	Kiểm, năm
30	Mai Quốc Khanh	03/11/1989	Không đủ điều kiện (học và thi tại lớp K5 Krông Búk)				
31	Nguyễn Quốc Khánh	06/8/1981	02		8	72.5	Kiểm, hai năm
32	Nguyễn Khương	10/7/1975	02		35	70	Kiểm
33	Trần Trung Kiên	02/9/1975	03		39	75	Kiểm, năm
34	Đào Thị Minh Lan	17/01/1984	03		30	72.5	Kiểm, hai năm
35	Ngô Thị Phương Lan	05/6/1983	03		3	75	Kiểm, năm
36	Y Ban	26/8/1983	02		73	72.5	Kiểm, hai năm
37	Nguyễn Tiến Lộc	19/6/1988	03		67	70	Kiểm
38	Hà Thị Luyến	10/9/1987	02		56	77.5	Kiểm, hai năm
39	Mai Xuân Nam	01/01/1983	02		19	70	Kiểm
40	Nguyễn Thành Nam	30/12/1980	03		34	72.5	Kiểm, hai năm
41	Phạm Ngọc Nam	31/8/1985	03		29	72.5	Kiểm, hai năm
42	Nguyễn Thị Việt Nhã	02/01/1986	03		60	77.5	Kiểm, hai năm
43	Lành Thị Nhất	16/01/1991	02		36	70	Kiểm
44	Mai Hồng Phong	08/4/1988	03		75	72.5	Kiểm, hai năm

Sbd	Họ và tên		Năm sinh	Số tờ	Ký nộp bài	Số phách	Điểm số	Điểm chữ
45	Ngô Hà	Phương	10/3/1989	02		10	7.25	Kiểm, hai năm
46	Trần Thị	Phương	19/8/1986	03		33	7.0	Kiểm
47	Trần Thị	Phượng	20/9/1991	04		49	6.25	Sau, hai năm
48	Lê Hữu	Son	05/11/1977	02		71	7.0	Kiểm
49	Chung Tiến	Thắng	06/6/1986	03		66	6.75	Sau, hai năm
50	Lê Quốc	Thịnh	30/4/1986	03		40	7.25	Kiểm, hai năm
51	Cáp Kim	Thuận	01/5/1987	02		48	7.0	Kiểm
52	Nguyễn Thị Bình	Thương	25/8/1991	02		72	7.25	Kiểm, hai năm
53	Nguyễn Thị Mến	Thương	19/12/1989	02		24	7.25	Kiểm, hai năm
54	Nguyễn Thị	Thúy	20/4/1981	02		50	6.0	Sau
55	Vũ Xuân	Thủy	16/11/1988	02		52	7.0	Kiểm
56	Nguyễn Thị	Thủy	04/4/1983	02		13	7.25	Kiểm, hai năm
57	Quảng Thị Kim	Thủy	06/7/1977	03		61	7.0	Kiểm
58	Ngô Văn	Tiến	16/6/1987	02		54	6.25	Sau, hai năm
59	Nguyễn Hữu	Trí	03/01/1987	02		53	7.0	Kiểm
60	Bạch Đình	Trọng	24/3/1983	02		18	7.25	Kiểm, hai năm
61	Nguyễn Quang	Trung	23/01/1980	02		23	7.25	Kiểm, hai năm
62	Nguyễn Văn	Trường	30/12/1986	02		11	7.25	Kiểm, hai năm
63	Đèo Anh	Tuấn	03/9/1987	03		65	7.0	Kiểm
64	Phạm Minh	Tuấn	08/9/1980	03		59	7.25	Kiểm, hai năm
65	Lê Thanh	Tùng	01/01/1979	02		46	7.0	Kiểm
66	Trịnh Xuân	Tùng	10/02/1982	03		6	7.25	Kiểm, hai năm
67	Nguyễn Thị Bích	Vân	09/10/1988	02		47	6.5	Sau
68	Lê Thị Tường	Vi	02/6/1985	02		57	6.25	Sau
69	Bùi Quốc	Việt	10/7/1985	03		1	6.75	Sau

Sbd	Họ và tên	Năm sinh	Số tờ	Ký nộp bài	Số phách	Điểm số	Điểm chữ
70	Nguyễn Thị Tường Việt	06/6/1986	03		76	85	85,2 năm
71	Nguyễn Đình Vinh	19/4/1980	03		63	62,5	Sau 1 học năm
72	Phạm Trường Xuân	10/11/1987	03		68	6,5	Sau 1 học năm
73	Nguyễn Văn Ước	10/10/1980	02		27	76,3	Sau 1 học năm

Tổng số học viên theo danh sách: 73 học viên

Số học viên đủ điều kiện: 72 học viên

Số học viên không đủ điều kiện: 01 học viên

Số học viên vắng có lý do: 0 học viên; không có lý do: 0 học viên

Tổng số bài thi: 72 bài/ 179 tờ

GIÁM THỊ I

Hồ Duyệt Hà

Ngày..14..tháng....10..năm 2024

NGƯỜI KIỂM TRA VÀO PHÁCH VÀ ĐIỂM

Phạm Văn Dương

TRƯỞNG KHOA



Đỗ An Bình

Nguyễn Thành Dũng

GIÁM THỊ II

Nguyễn Thị Tâm

Ngày..14..tháng....10..năm 2024

NGƯỜI VÀO ĐIỂM

Đoàn Thị Mai

TRƯỞNG PHÒNG QLĐT & NCKH

TS. Lê Duyệt Hà